

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025**

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1898/QĐ-BTP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 1925/QĐ-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thành lập Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 354/QĐ-CQLTHADS ngày 25/9/2025 của Cục Quản lý Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế toán.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố Công khai giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (chi tiết theo Phụ lục đính kèm Quyết định này).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3 :** Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, các đơn vị và cá nhân có liên quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Cục QLTHADS (để b/c);
- Phó Trưởng THADS;
- Lưu: VT- TCKT.

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**



**Đinh Khắc Khang**

Biểu số 02: Ban hành kèm theo TT số 90/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

**ĐƠN VỊ: THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH QUẢNG NINH**

**CHƯƠNG: 014**

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1123/QĐ-THADS ngày 25/9/2025 của Trưởng THADS tỉnh Quảng Ninh)

Đơn vị tính: đ

| STT      | Chỉ tiêu                                                                                                       | Dự toán được giao  |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>A</b> | <b>Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                                                              |                    |
| I        | Số thu phí lệ phí                                                                                              |                    |
| II       | Chi từ nguồn phí được để lại                                                                                   |                    |
| III      | Số phí lệ phí nộp NSNN                                                                                         |                    |
| <b>B</b> | <b>DỰ TOÁN CHI TỪ NGUỒN PHÍ ĐƯỢC ĐỂ LẠI</b>                                                                    |                    |
|          | <b>Chi quản lý hành chính (Loại 340-khoản 341)</b>                                                             | <b>470.000.000</b> |
|          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Số được điều hoà phí đợt 2/2025 theo CV số 1252/CQLATHA-TCKT ngày 24/9/2025) | 470 000 000        |
|          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                                                         |                    |
| <b>C</b> | <b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH</b>                                                                                   | <b>98.900.000</b>  |
| I        | Nguồn ngân sách nhà nước                                                                                       | <b>98.900.000</b>  |
| 1        | <b>Chi quản lý hành chính (Loại 340-khoản 341)</b>                                                             | <b>98.900.000</b>  |
|          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                                                               |                    |
|          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                                                         | 98.900.000         |
| 2        | <b>Chi sự nghiệp đào tạo (L070-K085)</b>                                                                       | <b>-</b>           |
|          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                                                               |                    |
|          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                                                         |                    |

